

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST

Ngày: 18/11/2019.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Lợi

2. Bà Hoàng Thị Thúy

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 48/2019/TLST-DS ngày 29/7/2019 về “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*”, ngày 31/10/2019 chuyển sang vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2019/TLST-KDTM, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXX-ST ngày 31/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2019/QĐST-KDTM ngày 15/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q

Địa chỉ: Tầng 1, 2 Tòa nhà S, số 111A Pasteur, phường B, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Nguyễn Duy C - Cán bộ xử lý nợ.

Bị đơn: Ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn ông P, bà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q trình bày:

Ngày 30/10/2017, ông Lê Đình P và bà Nguyễn Thị N có ký hợp đồng tín dụng số 407CN5860/HĐTD/VIB.2017 với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa để vay số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày 02/11/2017 (ngày nhận nợ), mục đích vay: đầu tư tài sản cố định kinh doanh

Karaoke, lãi suất vay là 9,89%/năm, mức lãi suất quy đổi từ cơ sở một năm có 360 ngày sang cơ sở một năm có 365 ngày là 10.03%/năm và sẽ được Ngân hàng điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 2.09%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn, ông P, bà N đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 1. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, diện tích 124m² đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 202964, số vào sổ cấp GCN: CH-02294 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/9/2017 mang tên ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 407CN5860/2017/BĐ ngày 31/10/2017. Tài sản được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông P, bà N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ với Ngân hàng. Tính đến ngày 02/10/2019, ông P, bà N còn nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền là 439.851.294đ (trong đó nợ gốc 395.979.639đ, nợ lãi 38.492.161đ, nợ lãi quá hạn 5.379.494đ). Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án huyện Quảng Xương giải quyết buộc ông P, bà N phải trả toàn bộ số nợ trên cho Ngân hàng.

Trường hợp ông P, bà N không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương kê biên, phát mại toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 1. Địa chỉ thửa đất: Tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 202964, số vào sổ cấp GCN: CH-02294 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/9/2017 mang tên ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 407CN5860/2017/BĐ ngày 31/10/2017.

Theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai bổ sung, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Ngày 30/10/2017, vợ, chồng bà có ký hợp đồng tín dụng số 407CN5860/HĐTD/VIB.2017 với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa để vay số tiền là 500.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày nhận nợ (02/11/2017), mục đích vay để đầu tư tài sản cố định kinh doanh Karaoke, lãi suất vay tại thời điểm giải ngân là 9,89%/năm và sẽ được Ngân hàng điều chỉnh 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở + biên độ 2.09%/năm.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ vay vốn, vợ chồng ông, bà đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 1, bản đồ địa chính xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, diện tích là 124m². Địa chỉ thửa đất: Tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 202964, số vào sổ cấp GCN: CH-02294 do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/9/2017 mang

tên ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N; Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 407CN5860/2017/BĐ ngày 31/10/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông, bà đã trả gốc và lãi hàng tháng đầy đủ, đúng theo hợp đồng. Đến tháng 11/2018 gia đình bà gặp nhiều khó khăn nên không thể trả nợ cho Ngân hàng được, vợ chồng bà đã vi phạm nghĩa vụ từ tháng 11/2018 đến nay. Tính đến ngày 02/10/2019, vợ chồng bà còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền là 439.851.294đ (trong đó nợ gốc 395.979.639đ, nợ lãi 38.492.161đ, lãi quá hạn 5.379.494đ). Vợ chồng bà đồng ý trả, nhưng xin trả nợ dần cho Ngân hàng.

Trường hợp vợ chồng bà không trả được nợ cho Ngân hàng thì vợ chồng, bà đồng ý để cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 407CN5860/2017/BĐ ngày 31/10/2017; Địa chỉ thửa đất: Tại thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa.

**Về phía ông Lê Đình P (chồng bà N):* Tòa án đã tổng đạt các thủ tục tố tụng thông qua bà N (vợ ông P) theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nhưng ông P vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Tòa án huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa giải quyết buộc vợ chồng ông P, bà N phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho ngân hàng. Tính đến ngày 18/11/2019 (ngày xét xử) ông P, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 446.355.911đ (trong đó gốc: 395.979.639đ, lãi: 43.196.531đ, lãi quá hạn: 7.179.741đ).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đúng trình tự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng theo quy định của pháp Luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463; Điều 466 và Điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình. Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa. Buộc vợ chồng ông P, bà N phải trả toàn bộ số tiền còn nợ cho Ngân hàng là 446.355.911đ. Trường hợp vợ chồng ông P, bà N trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương kê biên phát mại toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp số 407CN5860/2017/BĐ ngày 31/10/2017.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1] *Về tố tụng:* Ông P, bà N có đăng ký hộ khẩu thường trú trên địa bàn huyện Q, tỉnh Thanh Hóa nên khi có tranh chấp xảy ra thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, ngày 30/10/2019 Ngân hàng TMCP Q

xuất trình cho Tòa án giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh ông Lê Đình P, đơn xin xác nhận các điều kiện về phòng cháy chữa cháy của ông P. Như vậy, trường hợp này phát sinh tranh chấp giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận; khi có tranh chấp phát sinh thuộc lĩnh vực kinh doanh, thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 và điểm b khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

Tại phiên tòa, bị đơn ông P, bà N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng ông P, bà N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Xét yêu cầu của nguyên đơn:* Ngày 30/10/2017, ông P, bà N có ký hợp đồng tín dụng số 407CN5860/ HĐTD/VIB.2017 với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa để vay số tiền 500.000.000đ, thời hạn vay 72 tháng kể từ ngày 02/11/2017 (ngày nhận nợ). Quá trình thực hiện hợp đồng ông P, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo bảng kê tính lãi của Ngân hàng TMCP Q, tính đến ngày 18/11/2019 ông P, bà N còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là 446.355.911đ (trong đó nợ gốc: 395.979.639đ, nợ lãi: 43.196.531đ, lãi quá hạn: 7.179.741đ). Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định ông P, bà N còn nợ Ngân hàng Q với tổng số tiền là 446.355.911đ (trong đó nợ gốc: 395.979.639đ, nợ lãi: 43.196.531đ, lãi quá hạn: 7.179.741đ) từ hợp đồng tín dụng số 407CN5860/ HĐTD/VIB.2017 ngày 30/10/2017. Theo tính toán trên của Ngân hàng TMCP Q là phù hợp.

[3] Đối với quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ thi hành án.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ, ông P, bà N đã mang tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của mình tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa thế chấp cho Ngân hàng TMCP Q để ông P, bà N vay vốn. Tại thời điểm thế chấp gia đình ông P, bà N đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc thế chấp tài sản đã được công chứng và đăng ký tài sản bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất - Phòng tài nguyên và môi trường huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có tranh chấp gì về tài sản thế chấp; Vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP Q về quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] *Về án phí:* Ông P, bà N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền ông, bà phải trả nợ cho Ngân hàng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Giành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 317; Điều 299; Điều 463; Khoản 1, 5 Điều 466; Khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự. Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 91; Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng. Điều 6; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa.

Buộc ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N phải thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa với Tổng số tiền là 446.355.911đ (trong đó nợ gốc: 395.979.639đ, nợ lãi: 43.196.531đ, lãi quá hạn: 7.179.741đ).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/11/2019) ông P, bà N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 407CN5860/HĐTD/VIB.2017 ngày 30/10/2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp nếu ông P, bà N không trả được nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thanh Hóa có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa kê biên phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CL 202964, sổ vào sổ cấp GCN: CH-02294, tại thửa đất số 268, tờ bản đồ số 1, diện tích đất 124m². Địa chỉ thửa đất: Xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa, do UBND huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 11/9/2017 mang tên ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N. Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 407CN5860/2017/BĐ ngày 31/10/2017.

-Về án phí: Buộc ông Lê Đình P, bà Nguyễn Thị N phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 21.854.000đ.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Q toàn bộ số tiền tạm ứng án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm Ngân hàng đã nộp là 10.466.688đ, theo biên lai thu số 1657 ngày 29/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSNDH.Quảng Xương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADSH.Quảng Xương;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý